

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 16 tháng 02 năm 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Bích Lược.

Các Thẩm phán khác: 1/ Bà Nguyễn Thị Phẩm

2/ Bà Bùi Thị Hảo

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng
Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử công khai vụ án thụ lý số: 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2022 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXX-ST ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Hoài T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Khu 5, xã T, huyện N, tỉnh P.

Hiện đang ở: Japan - Tokushima - Naruto

Người được chị T ủy quyền: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường N, thành phố BP, tỉnh Đ;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu 5, xã T, huyện N, tỉnh P.

(Chị T, bà M, anh H đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Phùng Thị Hoài T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn ngày 12/10/2014 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh P trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống với nhau cuộc sống chung của vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị T đã sang Nhật Bản làm việc từ năm 2020, hai anh chị không còn liên lạc gì nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết cho chị ly hôn anh H.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 16/4/2016 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 28/8/2017. Hiện nay 02 cháu đang sống cùng với anh H. Khi ly hôn chị đề nghị giao hai cháu cho anh H

nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị T cấp dưỡng 5.000.000 đồng/2 cháu/1tháng để nuôi hai con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang sinh sống, làm ăn ở Nhật Bản, chị ủy quyền cho mẹ chị là bà Nguyễn Thị M nhận thay toàn bộ văn bản tố tụng của Tòa án và nộp án phí, chi phí tố tụng của Tòa án thay chị.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh cũng đồng ý như trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân và con chung. Nay chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Khi ly hôn anh xin nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 16/4/2016 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 28/8/2017. Anh cũng nhất trí chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung 02 cháu là 5.000.000 đồng/2 cháu/1tháng để nuôi hai con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phần trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M: Bà M nhất trí nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho chị T và có trách nhiệm thông báo cho chị T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Hoài T xử:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị Hoài T và anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 16/4/2016 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 28/8/2017 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Chị T cấp dưỡng số tiền nuôi con chung cùng anh H là 5.000.000 đồng/2 cháu/1 tháng.

Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 03/2023 cho đến khi các con thành niên. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị T, anh H không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T và anh H mỗi người phải chịu 75.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Phùng Thị Hoài T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn H; trú tại khu 5, xã T, huyện N, tỉnh P. Chị T hiện đang lao động tại Nhật Bản, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh P đã tiến hành các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Chị T không có mặt tại địa phương nhưng đã ủy quyền cho bà M là mẹ đẻ nhận thay các văn bản tố tụng. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của tòa án cho chị T thông qua bà M. Chị T và anh H, bà M đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H, chị T.

[3] Về nội dung:

Xem xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T và anh H tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh P, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H. Về phía anh H cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử chấp nhận thuận tình ly hôn của chị T và anh H.

Về con chung: Chị T, anh H xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 16/4/2016 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 28/8/2017. Khi ly hôn hai bên nhất trí giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 16/4/2016 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 28/8/2017 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Chị T cấp dưỡng số tiền nuôi con chung cùng anh H là 5.000.000 đồng/2 cháu/1 tháng.

Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 03/2023 cho đến khi các con thành niên. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị T, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T, anh H phải chịu án phí ly hôn, chị T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Hoài T

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị Hoài T và anh Nguyễn Văn H.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 16/4/2016 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 28/8/2017 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H là: 5.000.000 đồng /2 cháu/1 tháng.

Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 03/2023 cho đến khi các con thành niên. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Phùng Thị Hoài T và anh Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

(Xác nhận chị Phùng Thị Hoài T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000077 ngày 17/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh P). Chị Phùng Thị Hoài T còn phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm án phí ly hôn.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm đề đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THA tỉnh P;
- Dương sự;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu HS vụ án;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điền Thị Bích Lược